

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-5-2020

V/v: ly hôn giữa chị T và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thi.

2. Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1983.

Bị đơn: Anh Triệu Đình Q, sinh năm 1981.

Đều ĐKKHKT tại: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Đều tạm trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Có mặt chị T; anh Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Đình Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 03-01-2006; hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng ở thôn V, xã H đến năm 2012 thì ra ở riêng làm trang trại. Cuối tháng 11 năm 2017 vợ chồng chuyển lên thôn L, xã H để tiếp quản nhà hàng ăn uống karaoke Tre Vàng và vợ chồng tạm trú tại đó cho đến nay. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 2 năm 2019 thì anh Q thay tính đổi nết, thường

xuyên đánh đập chị, có lần đánh đập đến mức chị phải đi bệnh viện và đuổi chị ra khỏi nhà. Nguyên nhân là do vợ chồng chị hiểu lầm nhau, anh Q không chịu hiểu chị, anh Q luôn nghi ngờ chị làm thâm hụt kinh tế trong gia đình và ngoại tình. Từ đó chị nhận thấy anh Q là con người vũ phu, không có tình người, chị không muốn ở với người chỉ suốt ngày để chị phải lo mình bị đánh đập.

Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân của vợ, chồng chị không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Triệu Đình Tuấn Đ, sinh ngày 10-3-2009 và cháu Triệu Đình Tuấn A, sinh ngày 06-10-2006. Hiện nay các cháu đang ở thôn V, xã H cùng ông bà nội của các cháu. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nhưng anh Q không đồng ý thì chị cũng chấp nhận giao cả hai cháu cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Triệu Đình Q: Quan điểm của anh Q đã được thể hiện rõ tại các tài liệu trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn đúng như lời trình bày của chị T. Theo anh thì vợ chồng anh có đánh cãi chửi nhau vì lý do kinh tế gia đình, mặc dù vợ chồng làm ăn buôn bán mấy năm nay nhưng không có đồng nào để ra tiêu tết, anh thì lại thấy chị T thì thường xuyên thức khuya nhắn tin điện thoại cho người khác nên anh nghi ngờ vợ có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác và nảy sinh ghen tức vì vợ không quan tâm đến anh và gia đình. Tuy vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng theo anh đó chỉ là mâu thuẫn bình thường và anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như lời trình bày của chị T. Nếu buộc phải ly hôn thì anh cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Triệu Đình Q.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Đình Tuấn Đ, sinh ngày 10-3-2009 và cháu Triệu Đình Tuấn A, sinh ngày 06-10-2006 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q.

+ Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Triệu Đình Q hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại địa bàn huyện V, tỉnh Nam Định, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị T và anh Q là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã đến Tòa án tham gia làm việc, tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Sau đó anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc và trình bày rõ quan điểm của mình. Vì vậy căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về tình trạng và quan hệ hôn nhân: Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, xác minh tại địa phương, xét thấy chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 03-01-2006. Như vậy hôn nhân của chị T và anh Q thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù vợ chồng chưa sống ly thân nhưng xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị T xác định chị không còn tình cảm, tình nghĩa gì với anh Q. Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều lần đánh cãi chửi nhau vì lý do anh nghi ngờ chị T ngoại tình và không minh bạch trong kinh tế gia đình. Mặc dù anh Q không đồng ý ly hôn, đã nhiều lần khuyên can chị T quay về để đoàn tụ gia đình nhưng chị T vẫn kiên quyết không rút đơn và vẫn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn. Điều này cho thấy chị T thực sự đã không muốn quay về hàn gắn tình cảm với anh Q. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị T và anh Q đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, giải quyết cho chị ly hôn với anh Triệu Đình Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Triệu Đình Tuấn Đ, sinh ngày 10-3-2009 và cháu Triệu Đình Tuấn A, sinh ngày 06-10-2006. Hiện nay các cháu đang ở cùng với ông bà nội tại thôn V, xã H nhưng anh chị vẫn thường xuyên đi về thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Q là người có sức khỏe, đủ khả năng tham gia lao động sản xuất để tạo ra thu nhập, anh có nơi cư trú ổn định. Như vậy anh Q có đầy đủ các điều kiện cần thiết để được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T cũng đồng ý giao cháu Đ và cháu A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai cháu Đ, cháu A, các cháu đều trình bày là có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở với anh Q. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đ và cháu A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để các cháu học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh vì vậy không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Dương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Triệu Đình Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đình Tuấn Đ, sinh ngày 10-3-2009 và cháu Triệu Đình Tuấn A, sinh ngày 06-10-2006 cho anh Triệu Đình Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu A thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triệu Đình Q.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Q.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

(Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001935 ngày 04-3-2020 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định, được đối trừ. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Đình Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam